

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Ông Nguyễn Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Diễm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 312/2022/TLST-HNGĐ ngày 11-11-2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09-01-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Triệu Thị C** – sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn 11, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. Bị đơn: anh **Nông Văn T** – sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 11, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-11-2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Triệu Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nông Văn T kết hôn vào ngày 24-01-2011 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, chửi bới vợ con và ghen tuông vô cớ. Vợ chồng sống

ly thân 04 tháng này, không quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có 02 con chung Nông Thị C, sinh ngày 17-12-2004 và Nông Thị L, sinh ngày 12-7-2009. Sau khi ly hôn, con Nông Thị C đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Nông Thị L để anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai bị đơn Nông Văn T nhất trí về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn với nội dung như chị C trình bày. Quá trình chung sống thực tế có mâu thuẫn do chị C có quan hệ ngoại tình với người khác. Nay chị C có yêu cầu ly hôn, anh xác định tình cảm vẫn còn, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị C có 02 con chung như chị C trình bày. Khi ly hôn, anh có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con Nông Thị L, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Nông Thị C đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo về hòa giải nhưng các đương sự không có mặt. Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Triệu Thị C được ly hôn với anh Nông Văn T, về con chung: giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nông Thị L, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Triệu Thị C và anh Nông Văn T kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2014 ngày 26-11-2014. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự thừa nhận quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân, mâu thuẫn kéo dài không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Lời khai của các đương sự là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại Thôn 11, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị C và anh T có 02 con chung Nông Thị C, sinh ngày 17-12-2004 và Nông Thị L, sinh ngày 12-7-2009. Tại lời khai các đương sự đều có yêu cầu sau khi ly hôn, đối với con Nông Thị C đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Nông Thị L, giao cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con Nông Thị L cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp. Anh tuyệt không yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: chị Triệu Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Triệu Thị C được ly hôn với anh Nông Văn T.

2. *Về con chung*: giao cho anh Nông Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Thị L, sinh ngày 12-7-2009 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: chị Triệu Thị C phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0003356 ngày 11-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị C đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trình hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA